

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Thạch Đa Ra

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Nguyệt D, sinh ngày 18/01/1953, địa chỉ: Số C, đường T, khóm D, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh ngày 20/3/1983, địa chỉ: Số D, đường N, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, địa chỉ: Số D, đường N, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2/- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950, địa chỉ: Số A, đường H, Khu đô thị H, ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bà H1 là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972, địa chỉ: Số D, đường N, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023 của nguyên đơn và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Nguyệt D trình bày:

Tôi làm đầu thảo hụi có mở nhiều dây hụi, trong đó có dây hụi nửa tháng, loại hụi 10.000.000 đồng, gồm 24 phần, khai vào ngày 31/7/2020, mỗi tháng khai hai lần vào ngày 11 và 26 âm lịch, mần hụi vào ngày 05/7/2021 (nhằm ngày 26/5/2021 âm lịch). Bà Trần Thị H có tham gia hụi một phần và hót vào kỳ thứ hai ngày 15/8/2020 (nhằm ngày 26/6/2020 âm lịch). Sau khi hót hụi, bà H đã đóng được tám kỳ đến ngày 10/12/2020 (nhằm ngày 26/10/2020 âm lịch) thì không đóng nữa nên còn nợ lại 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Tôi đã nhiều lần đòi bà H trả tiền nợ hụi nhưng bà H cứ viện nhiều lý do để không trả cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L phải trả cho tôi số tiền nợ hụi là 150.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện:

Về việc bà Châu Nguyệt D khởi kiện yêu cầu tôi phải trả tiền nợ hụi cho bà D số tiền là 150.000.000 đồng, thực tế là tôi không có chơi hụi chung với bà D mà là chồng tôi anh Nguyễn Văn L tham gia chơi hụi cùng bà D và bà D làm đầu thảo. Tại thời điểm chồng tôi được hót hụi thì do chồng tôi không có ở nhà nên nhờ tôi nhận tiền dùm từ phía bà D. Lúc nhận tiền, bà D có đưa cuốn sổ hụi để tôi ký nhận tiền và sau đó tôi đã chuyển toàn bộ số tiền nhận từ bà D cho chồng tôi có sự chứng kiến của mẹ chồng tôi là bà Nguyễn Thị H1. Hiện nay giữa tôi và chồng tôi là anh L đã ly hôn với nhau nên số nợ hụi trên của bà D là trách nhiệm của chồng tôi nên tôi không có nghĩa vụ phải trả cho bà D. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải thành ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do tôi không am hiểu pháp luật nên đã thỏa thuận nhận nợ với bà D và được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh hòa giải thành.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày

- Ông Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện:

Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị H1 không có tham gia vào việc chơi hụi này và không có nhận tiền hụi nên mẹ tôi không đồng ý trả tiền cho bà D theo ý kiến của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Châu Nguyệt D có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn L chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị H1 thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hui, họ, biên, phường. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Nguyệt D. Buộc bị đơn bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà D số tiền nợ hui là 150.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Châu Nguyệt D và ông Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Bị đơn bà Trần Thị H nợ tiền hụi của nguyên đơn bà Châu Nguyệt D với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là có thật, được chứng minh tại Giấy giao tiền hụi ngày 26/6/2020 (BL 08), giấy giao hụi này đã được bà H thừa nhận do chính bà H viết với nội dung “có nhận tiền của mẹ chồng của tôi là bà Nguyễn Thị H1 do bà Châu Nguyệt D giao tiền số tiền 150.000.000 là tiền hụi” (BL 39).

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định bà Trần Thị H là người trực tiếp nhận số tiền hụi 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

3.2. Việc bà H cho rằng bà H chỉ nhận thay cho bà H1 là mẹ chồng của bà Hằng số tiền nợ hụi.

Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ. Bởi lẽ, ngoài lời trình bày trên thì bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc nhận tiền hụi thay cho bà H1 và bà H1 cũng không thừa nhận việc có chơi hụi với bà D và nhờ bà H nhận tiền hụi dùm. Do đó, không có căn cứ để buộc bà H1 phải trả tiền nợ hụi cho bà D như lời nại ra của bà H.

3.3. Bà D cho rằng bà H và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng nên tiền nợ hụi này ông L phải có trách nhiệm với bà H để trả cho bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên nhận nhận tiền hụi ngày 26/6/2020 (BL 08) đã thể hiện “Hằng Lộc 2 Mạnh hốt hụi”, đã xác định bà H và ông L là người tham gia phần hụi này. Hơn nữa, thời điểm bà H nhận tiền hụi là ngày 26/6/2020 là trước thời điểm bà H và ông L thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số: 204/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 13/10/2020 nên việc dùng tiền hốt hụi vào nhu cầu chung cho gia đình là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để buộc ông Nguyễn Văn L cùng chịu trách nhiệm cùng với bà Trần Thị H trong việc thanh toán tiền nợ hui cho bà Châu Nguyệt D như yêu cầu của bà D và lời đề nghị của kiểm sát viên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L phải trả cho nguyên đơn bà Châu Nguyệt D số tiền nợ hui 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Nguyệt D. Buộc bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trả cho nguyên đơn bà Châu Nguyệt D số tiền nợ hui là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L phải nộp 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi